

Số: 463 /QĐ-CTCP397

Mạo Khê, ngày 02 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Sửa chữa lớn (thuê ngoài) trung đại tu TTBKT năm 2026 - Công ty cổ phần 397 (GT11) thuộc kế hoạch Sửa chữa lớn (thuê ngoài) trung đại tu TTBKT năm 2026 - Công ty cổ phần 397

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 224/QĐ-CTCP397 ngày 24/01/2026 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt kế hoạch Sửa chữa lớn (thuê ngoài) trung đại tu TTBKT năm 2026 - Công ty cổ phần 397”;

Căn cứ Quyết định số 245/QĐ-CTCP397 ngày 27/01/2026 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Sửa chữa lớn (thuê ngoài) trung đại tu TTBKT năm 2026 - Công ty cổ phần 397 (GT11) thuộc kế hoạch Sửa chữa lớn (thuê ngoài) trung đại tu TTBKT năm 2026 - Công ty cổ phần 397”;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-CTCP397 ngày 30/01/2026 của Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt HSMT Gói thầu: Sửa chữa lớn (thuê ngoài) trung đại tu TTBKT năm 2026 - Công ty cổ phần 397 (GT11) thuộc kế hoạch Sửa chữa lớn (thuê ngoài) trung đại tu TTBKT năm 2026 - Công ty cổ phần 397”;

Căn cứ Thông báo số 283/TB-CTCP397 ngày 30/01/2026 của Công ty cổ phần 397 “Về việc mời thầu Gói thầu: Sửa chữa lớn (thuê ngoài) trung đại tu TTBKT năm 2026 - Công ty cổ phần 397 (GT11) thuộc kế hoạch Sửa chữa lớn (thuê ngoài) trung đại tu TTBKT năm 2026 - Công ty cổ phần 397”;

Căn cứ Tờ trình ngày 26/02/2026 của Tổ chuyên gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Sửa chữa lớn (thuê ngoài) trung đại tu TTBKT năm 2026 - Công ty cổ phần 397 (GT11) thuộc kế hoạch Sửa chữa lớn (thuê ngoài) trung đại tu TTBKT năm 2026 - Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 27/02/2026 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Sửa chữa lớn (thuê ngoài) trung đại tu TTBKT năm 2026 - Công ty cổ phần 397 (GT11) thuộc kế hoạch Sửa chữa lớn (thuê ngoài) trung đại tu TTBKT năm 2026 - Công ty cổ phần 397.

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Sửa chữa lớn (thuê ngoài) trung đại tu TTBKT năm 2026 - Công ty cổ phần 397 (GT11) thuộc kế hoạch Sửa chữa lớn (thuê ngoài) trung đại tu TTBKT năm 2026 - Công ty cổ phần 397, với những nội dung sau:

- Tên gói thầu: Gói thầu: Sửa chữa lớn (thuê ngoài) trung đại tu TTBKT năm 2026 - Công ty cổ phần 397 (GT11).

- Tên nhà thầu trúng thầu: **Công ty cổ phần Hoàng Yến Đông Triều.**

- Địa chỉ: Khu Tràng Bạch, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh

- Mã số thuế: 5701329264

- Giá trị trúng thầu: **2.891.757.240 đồng.**

Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm chín mươi một triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm bốn mươi đồng./.

Giá trị trên đã bao gồm thuế VAT và các thuế, phí khác theo quy định.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần 397.

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 210 ngày.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 210 ngày.

- Địa điểm thực hiện gói thầu: Xưởng sửa chữa ô tô Công ty cổ phần 397 - khu Nam Tràng Bạch, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh; Xưởng sửa chữa Công ty cổ phần Hoàng Yến Đông Triều – Khu Tràng Bạch, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Giao cho Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định đấu thầu: Tổ chức đăng tải thông tin và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu đảm bảo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ trưởng Tổ chuyên gia, Tổ trưởng Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- PGĐ Huyền (c/đ);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, CĐVT. K04.

GIÁM ĐỐC



Kiều Văn Sinh

Phụ lục
PHÊ DUYỆT KQLCNT GÓI THẦU: SỬA CHỮA LỚN (THUÊ NGOÀI) TRUNG ĐẠI TU TTBKT
NĂM 2026 – CÔNG TY CỔ PHẦN 397 (GT11)

(Kèm theo Quyết định phê duyệt số 463/QĐ-CTCP397 ngày 02/03/2026 của Công ty cổ phần 397)

TT	Tên vật tư thay thế, nhân công	Danh điểm	Xuất xứ	ĐVT	SL	Đơn giá chưa VAT	Thành tiền	Ghi chú
Xe ô tô Kamaz 6520; 14KT-001.11				Cái	1		476.207.000	
A	Vật tư							
I	Phần động cơ							
1	Bộ hơi com lê	740.60-1000128-07	Nga	Bộ/xe	1	29.500.000	29.500.000	
2	Bạc biên + balie	7405.1000102P2	Nga	Bộ/xe	1	2.650.000	2.650.000	
3	Bộ gioăng phốt đại tu	740-100-4318	Trung Quốc	Bộ/xe	1	2.750.000	2.750.000	
4	Phom xà		Trung Quốc	Cái	1	1.250.000	1.250.000	
5	Vành răng bánh đà		Trung Quốc	Cái	1	12.400.000	12.400.000	
6	Ống dẫn hướng xupap	740-1007-032	Trung Quốc	Cái	8	160.000	1.280.000	
7	Dây curoa 6PK 2270		Trung Quốc	Sợi	1	350.000	350.000	
8	Trục cam	6520-3501111	Nga	Cái	1	12.500.000	12.500.000	
9	Mặt quy lát	740.30-1003213-01	Nga	Cái	3	4.750.000	14.250.000	
10	Phốt ghip xupap	740-10072262-01	Trung Quốc	Cái	16	7.000	112.000	
11	Xu páp xà	74061007015	Nga	Cái	8	300.000	2.400.000	
12	Xu páp hút	74061007010	Nga	Cái	8	300.000	2.400.000	
13	Con đội	740100-7184-03	Trung Quốc	Cái	16	180.000	2.880.000	
14	Phốt đầu trục cơ		Trung Quốc	Cái	1	285.000	285.000	
15	Phốt đuôi trục cơ		Trung Quốc	Cái	1	160.000	160.000	
16	Bi đầu lai BCA	6206	Trung Quốc	Vòng	2	64.000	128.000	
17	Bơm dầu động cơ	740.11-1011010	Nga	Cái	1	4.930.000	4.930.000	
18	Bơm nước	740.50-1307010	Nga	Cái	1	4.500.000	4.500.000	
19	Tăng áp	74.031.118.010	Nga	Cụm	1	10.430.000	10.430.000	
20	Phin lọc dầu máy thô	74051012015	Nga	Cái	1	350.000	350.000	
21	Phin lọc dầu máy tinh	7405.1017040-02	Nga	Cái	1	450.000	450.000	
22	Lõi lọc nhiên liệu (lọc giấy)	7401117078-01	Trung Quốc	Cái	2	59.000	118.000	
23	Lọc gió động cơ Kamaz 6520		Trung Quốc	Cái	1	1.520.000	1.520.000	
24	Gioăng cổ hút		Trung Quốc	Cái	8	10.000	80.000	
25	Gioăng cổ xả		Trung Quốc	Cái	8	32.000	256.000	
26	Phốt lai bơm cao áp	45x60x9	Việt Nam	Cái	1	91.000	91.000	
27	Cao su cổ tăng áp 60x90		Trung Quốc	Cái	2	796.000	1.592.000	
II	Cụm hộp số + ly hợp					-	-	
1	Đồng tốc số 1 + 2	1268304424	Trung Quốc	Cụm	1	10.275.000	10.275.000	
2	Lá côn com lê	1421601130	Nga	Cụm	1	7.500.000	7.500.000	
3	Bàn ép côn	3482083118	Nga	Cái	1	6.750.000	6.750.000	
4	Tông côn trên	343151001051	Nga	Cái	1	2.652.000	2.652.000	
5	Gioăng phốt hộp số		Trung Quốc	Bộ	1	3.480.000	3.480.000	
6	Bi tê		Trung Quốc	Cái	1	2.650.000	2.650.000	
7	Vành chuyển tầng		Italia	Cái	1	6.850.000	6.850.000	
8	Vòng đồng tốc 304190		Italia	Cái	1	3.000.000	3.000.000	
9	Vòng đồng tốc 304484		Italia	Cái	1	3.350.000	3.350.000	
10	Vòng bi thân a cơ 117732		Italia	Vòng	1	3.850.000	3.850.000	
11	Chân hộp số		Trung Quốc	Cái	2	3.200.000	6.400.000	
12	Đồng tốc số 3+4	1316304159	Italia	Bộ	1	9.760.000	9.760.000	
III	Cụm cầu chủ động và các trục các đăng					-	-	
1	Trục chữ thập vi sai	6520-2506060	Nga	Cái	1	6.500.000	6.500.000	
2	Cây các đăng trước 6520-2205011-10		Nga	Cụm	1	30.200.000	30.200.000	
3	Cần vi sai cầu	6520-2506057	Nga	Bộ	2	350.000	700.000	

4	Cần vi sai cài cầu	6520-2506058	Nga	Bộ	1	244.000	244.000
5	Ruột vi sai cầu		Trung Quốc	Cái	1	4.050.000	4.050.000
6	Trục lai các đăng sau	6520-2502201	Nga	Cái	1	5.500.000	5.500.000
7	Trục các đăng cầu sau	68740020051607	Nga	Cụm	1	10.800.000	10.800.000
8	Vòng bi cầu 32315		Nhật	Vòng	1	1.650.000	1.650.000
9	Vòng bi cầu 32313		Nhật	Vòng	1	1.500.000	1.500.000
10	Ê cu bu lông vành cầu M16x70		Việt Nam	Bộ	35	100.000	3.500.000
11	Vòng bi đỡ trục trung gian 7615		Trung Quốc	Vòng	1	650.000	650.000
12	Vòng bi moay ơ trong cầu sau		Nga	Vòng	2	1.530.000	3.060.000
IV	Hệ thống lái					-	-
1	Phốt bót lái		Trung Quốc	Bộ	1	2.645.000	2.645.000
2	Trục đứng		Trung Quốc	Cái	2	1.804.000	3.608.000
3	Bi tỷ trục đứng		Trung Quốc	Vòng	1	1.591.000	1.591.000
4	Bạc trục đứng		Trung Quốc	Cái	4	160.000	640.000
5	Bi chữ thập các đăng sau		Trung Quốc	Cụm	2	635.000	1.270.000
6	Bi chữ thập các đăng trước		Trung Quốc	Cụm	2	740.000	1.480.000
7	Bi chữ thập các đăng lái		Trung Quốc	Vòng	1	305.000	305.000
8	Bu lông các đăng M14x50		Việt Nam	Bộ	25	65.000	1.625.000
9	Bơm lái 4310-3407200		Nga	Cái	1	6.580.000	6.580.000
V	Hệ thống treo					-	-
1	Cao su giằng cầu		Trung Quốc	Cái	12	550.000	6.600.000
2	Nhíp trước	19/8	Việt Nam	Lá	10	890.000	8.900.000
3	Nhíp sau	19/8	Việt Nam	Lá	8	930.000	7.440.000
4	Bạc + trục ốc nhíp		Việt Nam	Bộ	2	478.000	956.000
5	Quang nhíp (trước)	65115-2902408	Việt Nam	Cái	4	395.000	1.580.000
6	Quang nhíp (sau)		Việt Nam	Cái	4	452.000	1.808.000
7	Gối cầu ba lạng xê	6520-2918070	Nga	Cụm	2	6.270.000	12.540.000
8	Bạc nhựa gối cầu cân bằng 6520-2918074-01		Nga	Cái	4	600.000	2.400.000
9	Bu lông xăng tan sau 16x350		Việt Nam	Bộ	4	135.000	540.000
10	Bu lông giằng cầu M20x120		Việt Nam	Bộ	10	55.000	550.000
11	Cao giám sóc đầu trên		Việt Nam	Cái	8	120.000	960.000
12	Cao giám sóc đầu dưới		Việt Nam	Cái	8	120.000	960.000
13	Bạc balance		Việt Nam	Cái	4	1.300.000	5.200.000
14	Phốt balance		Việt Nam	Cái	2	240.000	480.000
VI	Hệ thống di chuyển					-	-
1	Bi moay ơ trước ngoài	6-30613JR	Nga	Vòng	2	1.221.000	2.442.000
2	Bi moay ơ trước trong	6-30615JR	Nga	Vòng	2	985.000	1.970.000
3	Phốt moay ơ trước		Trung Quốc	Cái	2	150.000	300.000
4	Phốt moay ơ sau		Trung Quốc	Cái	4	150.000	600.000
5	Gioăng chi 170x4		Việt Nam	Cái	5	26.000	130.000
6	Gioăng chi 260x6		Việt Nam	Cái	5	40.000	200.000
7	Tắc kê trước		Việt Nam	Bộ	20	47.000	940.000
8	Tắc kê sau		Việt Nam	Bộ	20	44.000	880.000
9	Tanh la răng 1100/1200-20		Trung Quốc	Cái	4	780.000	3.120.000
10	Trục láp dài 6520-3501108		Nga	Cái	2	6.750.000	13.500.000
VII	Hệ thống phanh					-	-
1	Má phanh tán	6520-3501090-40	Trung Quốc	Miếng	16	130.000	2.080.000
2	Bầu phanh sau	6520-3519501	Trung Quốc	Cái	2	1.800.000	3.600.000
3	Bầu phanh trước T30		Trung Quốc	Cái	2	1.250.000	2.500.000
4	Cóc chỉnh phanh sau		Trung Quốc	Cái	3	870.000	2.610.000
5	Guốc phanh		Trung Quốc	Cái	4	2.380.000	9.520.000
6	Lò xo guốc phanh		Trung Quốc	Cái	6	120.000	720.000
7	Bình hơi		Nga	Cái	1	2.500.000	2.500.000
VIII	Ca bin					-	-

1	Tôn tấm 2 mm		Việt Nam	Kg	200	32.000	6.400.000
2	Gas		Việt Nam	Bình	3	410.000	1.230.000
3	Oxy		Việt Nam	Chai	5	102.000	510.000
5	Que hàn		Việt Nam	Kg	36	59.000	2.124.000
6	Dung môi pha sơn		Việt Nam	Lít	35	54.000	1.890.000
7	Sơn chống rỉ		Việt Nam	Kg	10	80.000	800.000
8	Sơn màu xanh		Việt Nam	Kg	8	250.000	2.000.000
9	Axetilen		Việt Nam	Kg	8	191.000	1.528.000
10	Bả matit		Việt Nam	Kg	6	205.000	1.230.000
IX	Vật liệu phụ					-	-
1	Bìa a mi ăng 1 mm		Việt Nam	Tờ	6	195.000	1.170.000
2	Bìa a mi ăng 0.5 mm		Việt Nam	Tờ	5	185.000	925.000
3	Bìa a mi ăng 2 mm		Việt Nam	Tờ	5	340.000	1.700.000
4	Đinh tán F8x20		Việt Nam	Kg	7	122.000	854.000
5	Bu lông M8x30		Việt Nam	Bộ	30	8.000	240.000
6	Bu lông M8x10		Việt Nam	Bộ	32	6.000	192.000
7	Bu lông M8x20		Việt Nam	Bộ	30	7.000	210.000
8	Bu lông M12x80		Việt Nam	Bộ	30	25.000	750.000
9	Bu lông M12x50x1.25		Việt Nam	Bộ	40	16.000	640.000
10	Keo tạo gioăng		Việt Nam	Tuýp	8	37.000	296.000
11	Giấy giáp P120		Việt Nam	Tờ	20	10.000	200.000
12	Giẻ lau		Việt Nam	Kg	10	12.000	120.000
13	Dầu động cơ 15W40		Việt Nam	Lít	28	55.000	1.540.000
14	Dầu phanh DOT3		Việt Nam	Lọ	3	70.000	210.000
15	Dầu cầu 80W90		Việt Nam	Lít	20	75.000	1.500.000
X	Vật liệu làm sắt si, thùng ben					-	-
1	Dầm U120x100x120x2800 dày 8		Việt Nam	Kg	300	32.000	9.600.000
2	Dầm U120x100x120x760 dày 8		Việt Nam	Kg	250	32.000	8.000.000
3	Thép 8 mm Q345 (làm sắt si phụ)		Việt Nam	Kg	350	32.000	11.200.000
4	Thép tấm 4 mm (thành bên)		Việt Nam	Kg	100	32.000	3.200.000
5	Thép U120 làm dầm ngang ben		Việt Nam	Kg	60	32.000	1.920.000
6	Sơn các màu thùng ben		Việt Nam	Kg	8	205.000	1.640.000
7	Sơn chống rỉ		Việt Nam	Kg	6	80.000	480.000
8	Khí oxy		Việt Nam	Chai	10	102.000	1.020.000
9	Gas		Việt Nam	Bình	6	410.000	2.460.000
10	Que hàn GL26 phi 4		Việt Nam	Kg	25	32.000	800.000
B	Phần nhiên liệu					-	-
1	Dầu diesel (VSCN)		Việt Nam	Lít	50	19.500	975.000
C	Nhân công thực hiện					-	-
1	Thay thế, lắp ráp các chi tiết cụm động cơ		Việt Nam	Cụm	1	5.500.000	5.500.000
2	Thay thế, lắp ráp các chi tiết cụm hộp số + ly hợp		Việt Nam	Cụm	1	2.500.000	2.500.000
3	Thay thế, lắp ráp các chi tiết cụm cầu chủ động và các trục các đăng		Việt Nam	Cụm	1	1.000.000	1.000.000
4	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống lái		Việt Nam	Cụm	1	1.000.000	1.000.000
5	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống treo		Việt Nam	Cụm	1	2.000.000	2.000.000
6	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống di chuyển		Việt Nam	Cụm	1	1.500.000	1.500.000
7	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống phanh		Việt Nam	Cụm	1	1.200.000	1.200.000
8	Sửa chữa cabin		Việt Nam			-	-
-	Thay thế, lắp ráp các chi tiết ca bin		Việt Nam	Cụm	1	1.050.000	1.050.000
-	Gia công mới xương rỗng ngang cabin + xương bậc lên xuống (L+P)		Việt Nam	Cụm	1	3.200.000	3.200.000
-	Phục hồi mặt trước cabin		Việt Nam	Cái	1	2.500.000	2.500.000

-	Phục hồi cánh cửa (L+P)		Việt Nam	Cái	2	850.000	1.700.000
-	Sơn lại toàn bộ cabin		Việt Nam	Cái	1	5.500.000	5.500.000
9	Tháo lắp ráp hệ thống thùng xe.		Việt Nam	Cái	1	2.000.000	2.000.000
-	Phục hồi sắt xi, giường ben		Việt Nam	Cụm	1	7.000.000	7.000.000
-	Phục hồi thùng ben		Việt Nam	Cụm	1	1.500.000	1.500.000
-	Sơn lại toàn bộ thùng ben		Việt Nam	Cụm	1	3.500.000	3.500.000
10	Tháo, lắp ráp chi tiết hệ thống điện		Việt Nam	Cụm	1	1.250.000	1.250.000
Xe ô tô Kamaz 6520.1 14KT-002.02				Cái	1	-	537.295.000
A	Vật tư					-	-
I	Cụm động cơ					-	-
1	Bộ hơi com lê	740.60-1000128-07	Nga	Bộ/xe	1	29.500.000	29.500.000
2	Bạc biên + balie	7405.1000102P2	Nga	Bộ/xe	1	2.650.000	2.650.000
3	Bộ gioăng phớt đại tu	740-100-4318	Trung Quốc	Bộ/xe	1	2.750.000	2.750.000
4	Trục cơ cos o		TBN	Cái	1	43.750.000	43.750.000
5	Mặt quy lát	740.30-1003213-01	Nga	Cái	4	4.750.000	19.000.000
6	Bơm dầu động cơ	740.11-1011010	Nga	Cái	1	4.930.000	4.930.000
7	Bơm nước	740.50-1307010	Nga	Cái	1	4.500.000	4.500.000
8	Ổng dẫn hướng xupap	740-1007-032	Trung Quốc	Cái	8	160.000	1.280.000
9	Dây curoa 6PK 2270		Trung Quốc	Sợi	1	350.000	350.000
10	Phớt ghip xupap	740-10072262-01	Trung Quốc	Cái	16	7.000	112.000
11	Xu páp xả	74061007015	Nga	Cái	8	300.000	2.400.000
12	Xu páp hút	74061007010	Nga	Cái	8	300.000	2.400.000
13	Xi e mặt máy		Nga	Cái	16	150.000	2.400.000
14	Vòi phun dầu bôi trơn xi lanh		Nga	Cái	6	150.000	900.000
15	Ly tâm cánh quạt động cơ		Nga	Cái	1	5.785.000	5.785.000
16	Cánh quạt gió		Trung Quốc	Cái	1	3.713.000	3.713.000
17	Phớt đầu trục cơ		Trung Quốc	Cái	1	285.000	285.000
18	Phớt đuôi trục cơ		Trung Quốc	Cái	1	160.000	160.000
19	Bi đầu lai BCA	6206	Trung Quốc	Vòng	1	64.000	64.000
20	Bi đầu lai BCA	6306	Trung Quốc	Vòng	1	74.000	74.000
21	Vòng bi đuôi trục cơ 6205		Trung Quốc	Vòng	1	420.000	420.000
22	Phin lọc dầu máy thô	74051012015	Nga	Cái	1	350.000	350.000
23	Phin lọc dầu máy tinh	7405.1017040-02	Nga	Cái	1	450.000	450.000
24	Lõi lọc nhiên liệu (lọc giấy)	7401117078-01	Trung Quốc	Cái	2	59.000	118.000
25	Lọc gió động cơ Kamaz 6520		Trung Quốc	Cái	1	1.520.000	1.520.000
26	Gioăng cổ hút		Trung Quốc	Cái	8	10.000	80.000
27	Gioăng cổ xả		Trung Quốc	Cái	8	32.000	256.000
28	Con đội	740100-7184-03	Trung Quốc	Cái	16	180.000	2.880.000
29	Phớt lai bơm cao áp	45x60x9	Việt Nam	Cái	1	91.000	91.000
30	Tăng áp	74.031.118.010	Nga	Cụm	2	10.430.000	20.860.000
31	Cao su cổ tăng áp 60x90		Trung Quốc	Cái	2	796.000	1.592.000
32	Bánh đà		Trung Quốc	Cái	1	18.521.000	18.521.000
33	Kết làm mát dầu động cơ		Trung Quốc	Cái	1	9.200.000	9.200.000
34	Kim phun nhiên liệu	2731112110-20	Nga	Cái	8	1.800.000	14.400.000
II	Cụm hộp số + ly hợp					-	-
1	Lá côn com lê	1421601130	Nga	Cụm	1	7.500.000	7.500.000
2	Bản ép côn	3482083118	Nga	Cái	1	6.750.000	6.750.000
3	Tổng côn trên	343151001051	Nga	Cái	1	2.652.000	2.652.000
4	Tổng côn dưới VG3350	343151001052	Nga	Cái	1	2.546.000	2.546.000
5	Chân hộp số		Trung Quốc	Cái	2	3.200.000	6.400.000
6	Vòng đồng tốc 1356 304 022EU		Italia	Cái	1	6.850.000	6.850.000
7	Vòng đồng tốc 1356 304 024EU		Italia	Cái	1	4.080.000	4.080.000
8	Vòng đồng tốc 1316 304 156EU		Italia	Cái	2	2.600.000	5.200.000
9	Vòng đồng tốc 1316 304 170EU		Italia	Cái	2	2.800.000	5.600.000

10	Vòng đồng tốc 1316 304 162EU		Italia	Cái	1	2.400.000	2.400.000
11	Vòng đồng tốc 1316 304 167EU		Italia	Cái	1	3.940.000	3.940.000
12	Vòng đồng tốc 1316 304 168EU		Italia	Cái	2	3.500.000	7.000.000
13	Vòng đồng tốc 1316 304 159EU		Italia	Cái	2	3.500.000	7.000.000
14	Gioăng phớt hộp số		Trung Quốc	Bộ	1	3.480.000	3.480.000
III	Cụm cầu chủ động và các trục các đăng					-	-
1	Cần vi sai cầu	6520-2506057	Nga	Bộ	2	350.000	700.000
2	Cần vi sai cài cầu	6520-2506058	Nga	Bộ	1	244.000	244.000
3	Cơ cấu bánh răng truyền động	2502110	Trung Quốc	Cái	1	7.400.000	7.400.000
4	Trục các đăng cầu sau	68740020051607	Nga	Cụm	1	10.800.000	10.800.000
5	Ruột vi sai cài cầu		Trung Quốc	Cái	1	6.120.000	6.120.000
6	Vòng bi cầu 32315		Nhật	Vòng	1	1.650.000	1.650.000
7	Vòng bi cầu 32313		Nhật	Vòng	1	1.500.000	1.500.000
IV	Hệ thống lái					-	-
1	Phớt bốt lái		Trung Quốc	Bộ	1	2.645.000	2.645.000
3	Bi tỷ trục đứng		Trung Quốc	Vòng	1	1.591.000	1.591.000
4	Bạc trục đứng		Trung Quốc	Cái	2	160.000	320.000
8	Bi chữ thập các đăng lái		Trung Quốc	Vòng	1	305.000	305.000
9	Bu lông các đăng M14x50		Việt Nam	Bộ	30	65.000	1.950.000
10	Bu lông các đăng M16x50		Việt Nam	Bộ	30	65.000	1.950.000
11	Đầu rô tuyen ba dọc lái trước		Trung Quốc	Quả	2	1.350.000	2.700.000
12	Đầu rô tuyen ba ngang		Trung Quốc	Quả	2	1.950.000	3.900.000
V	Hệ thống treo					-	-
1	Cao su giằng cầu		Trung Quốc	Cái	12	550.000	6.600.000
2	Nhíp sau	19/8	Việt Nam	Lá	8	930.000	7.440.000
3	Bạc + trục ốc nhíp		Việt Nam	Bộ	2	478.000	956.000
4	Quang nhíp sau		Việt Nam	Cái	4	452.000	1.808.000
5	Giảm sóc nhíp		Trung Quốc	Cái	2	1.411.000	2.822.000
7	Bu lông giằng cầu M20x120		Việt Nam	Bộ	8	55.000	440.000
8	Bạc nhựa gối cầu cân bằng 6520-2918074-01		Nga	Cái	4	600.000	2.400.000
9	Bu lông xăng tan sau 16x350		Việt Nam	Bộ	2	135.000	270.000
10	Bu lông giằng cầu M20x120		Việt Nam	Bộ	5	55.000	275.000
11	Cao giảm sóc đầu trên		Trung Quốc	Cái	2	120.000	240.000
12	Cao giảm sóc đầu dưới		Trung Quốc	Cái	2	120.000	240.000
13	Phớt balance		Việt Nam	Cái	2	240.000	480.000
VI	Hệ thống di chuyển					-	-
1	Bi moay ơ trước ngoài	6-30613JR	Nga	Vòng	2	1.221.000	2.442.000
2	Bi moay ơ trước trong	6-30615JR	Nga	Vòng	2	985.000	1.970.000
3	Phớt moay ơ trước		Việt Nam	Cái	2	45.000	90.000
4	Phớt moay ơ sau		Việt Nam	Cái	4	60.000	240.000
5	Gioăng chi 170x4		Việt Nam	Cái	5	26.000	130.000
6	Gioăng chi 260x6		Việt Nam	Cái	5	40.000	200.000
7	Tắc kê trước		Việt Nam	Bộ	20	47.000	940.000
8	Tắc kê sau		Việt Nam	Bộ	20	44.000	880.000
9	Bi moay ơ trong cầu sau		Nga	Vòng	4	1.530.000	6.120.000
VII	Hệ thống phanh					-	-
1	Má phanh	6520-3501090-40	Trung Quốc	Miếng	16	130.000	2.080.000
2	Bầu phanh sau	6520-3519501	Trung Quốc	Cái	4	1.800.000	7.200.000
3	Cóc chỉnh phanh trước		Trung Quốc	Cái	2	859.000	1.718.000
4	Cóc chỉnh phanh sau		Trung Quốc	Cái	4	870.000	3.480.000
5	Tấm bua phanh	260108	Trung Quốc	Cái	4	3.250.000	13.000.000
6	Bầu phanh trước T30		Trung Quốc	Cái	2	1.250.000	2.500.000
7	Guốc phanh		Trung Quốc	Cái	4	2.380.000	9.520.000
8	Van chia hơi 1 tầng		Trung Quốc	Cái	1	987.000	987.000
9	Lò xo guốc phanh		T.Quốc	Cái	6	120.000	720.000
VIII	Ca bin					-	-
1	Tôn tấm 2mm		Việt Nam	Kg	150	32.000	4.800.000

2	Gas		Việt Nam	Bình	3	410.000	1.230.000
3	Oxy		Việt Nam	Chai	6	102.000	612.000
5	Que hàn thường 3,2 mm		Việt Nam	Kg	20	59.000	1.180.000
6	Dung môi pha sơn		Việt Nam	Lít	25	54.000	1.350.000
7	Sơn chống rỉ		Việt Nam	Kg	8	80.000	640.000
8	Sơn màu xanh		Việt Nam	Kg	8	250.000	2.000.000
9	Axetilen		Việt Nam	Kg	8	191.000	1.528.000
10	Bả matit		Việt Nam	Kg	8	205.000	1.640.000
IX	Hệ thống nâng thùng xe					-	-
1	Vòng bi chao piston ben		Trung Quốc	Vòng	1	1.061.000	1.061.000
2	Trục lai bơm ben		Trung Quốc	Cái	1	4.750.000	4.750.000
3	Cụm điều khiển nâng hạ ben		Trung Quốc	Cái	1	2.500.000	2.500.000
4	Khớp lai bơm ben		Trung Quốc	Cụm	1	12.125.000	12.125.000
X	Hệ thống điện, chiếu sáng, gạt mưa, điều hoà					-	-
1	Đèn xi nhan trước		Trung Quốc	Cái	2	490.000	980.000
2	Đèn pha trắng (loại vuông)		Trung Quốc	Cái	2	985.000	1.970.000
3	Mô tơ gạt mưa		Trung Quốc	Cái	1	3.500.000	3.500.000
4	Chổi gạt mưa		Trung Quốc	Cái	2	150.000	300.000
5	Chổi than máy khởi động		Trung Quốc	Cái	4	150.000	600.000
6	Chổi than máy phát		Trung Quốc	Cái	4	250.000	1.000.000
7	Vòng bi máy phát		Trung Quốc	Vòng	1	350.000	350.000
8	Dây điện đơn		Việt Nam	Mét	30	20.000	600.000
9	Phin lọc điều hoà		Trung Quốc	Cái	1	300.000	300.000
10	Van tiết lưu		Trung Quốc	Cái	1	500.000	500.000
11	Van áp suất		Trung Quốc	Cái	1	300.000	300.000
12	Hộp quạt dàn lạnh		Trung Quốc	Cái	1	3.500.000	3.500.000
13	Ga lạnh		Trung Quốc	Kg	3	300.000	900.000
XI	Vật liệu phụ					-	-
1	Bìa a mi ăng 1mm		Việt Nam	Tờ	6	195.000	1.170.000
2	Bìa a mi ăng 0.5mm		Việt Nam	Tờ	6	185.000	1.110.000
3	Bìa a mi ăng 2mm		Việt Nam	Tờ	5	340.000	1.700.000
4	Đinh tán F8x20		Việt Nam	Kg	7	122.000	854.000
5	Bu lông M8x30		Việt Nam	Bộ	32	8.000	256.000
6	Bu lông M8x10		Việt Nam	Bộ	32	6.000	192.000
7	Bu lông M8x20		Việt Nam	Bộ	40	7.000	280.000
8	Bu lông M12x80		Việt Nam	Bộ	30	25.000	750.000
9	Bu lông M12x50x1.25		Việt Nam	Bộ	34	16.000	544.000
10	Keo tạo gioăng		Việt Nam	Tuýp	10	37.000	370.000
11	Giấy giáp P120		Việt Nam	Tờ	25	10.000	250.000
12	Giẻ lau		Việt Nam	Kg	10	12.000	120.000
13	Dầu cầu 80W90		Việt Nam	Lít	20	75.000	1.500.000
14	Dầu động cơ 15W40		Việt Nam	Lít	28	55.000	1.540.000
15	Dầu phanh DOT3		Việt Nam	Lọ	5	70.000	350.000
XII	Vật liệu làm sắt si, thùng ben					-	-
1	Dầm U120x100x120x2800 dây 8		Việt Nam	Kg	250	32.000	8.000.000
2	Dầm U120x100x120x760 dây 8		Việt Nam	Kg	300	32.000	9.600.000
3	Thép Q345(8mm) hàn thùng ben		Việt Nam	Kg	400	32.000	12.800.000
4	Thép tấm 4 mm (thành bên)		Việt Nam	Kg	150	32.000	4.800.000
5	Thép U120 làm dầm ngang ben		Việt Nam	Kg	90	32.000	2.880.000
6	Sơn các màu thùng ben		Việt Nam	Kg	6	205.000	1.230.000
7	Sơn chống rỉ		Việt Nam	Kg	6	80.000	480.000
8	Khí oxy		Việt Nam	Chai	8	102.000	816.000
9	Gas		Việt Nam	Bình	6	410.000	2.460.000
10	Que hàn GL26 phi 4		Việt Nam	Kg	25	32.000	800.000
B	Nhiên liệu					-	-

1	Dầu diesel(VSCN)		Việt Nam	Lít	50	19.500	975.000
C	Nhân công thực hiện					-	-
1	Thay thế, lắp ráp các chi tiết cụm động cơ		Việt Nam	Cụm	1	3.500.000	3.500.000
2	Thay thế, lắp ráp các chi tiết cụm hộp số + ly hợp		Việt Nam	Cụm	1	1.500.000	1.500.000
3	Thay thế, lắp ráp các chi tiết cụm cầu chủ động và các trục các đăng		Việt Nam	Cụm	1	1.500.000	1.500.000
4	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống lái		Việt Nam	Cụm	1	1.500.000	1.500.000
5	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống treo		Việt Nam	Cụm	1	1.500.000	1.500.000
6	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống di chuyển		Việt Nam	Cụm	1	1.200.000	1.200.000
7	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống phanh		Việt Nam	Cụm	1	1.200.000	1.200.000
8	Sửa chữa cabin		Việt Nam			-	-
-	Thay thế, lắp ráp các chi tiết ca bin		Việt Nam	Cụm	1	1.050.000	1.050.000
-	Gia công mới xương rỗng ngang cabin + xương bậc lên xuống (L+P)		Việt Nam	Cụm	1	3.200.000	3.200.000
-	Phục hồi mặt trước cabin		Việt Nam	Cái	1	1.050.000	1.050.000
-	Phục hồi cánh cửa (L+P)		Việt Nam	Cái	2	850.000	1.700.000
-	Sơn lại toàn bộ cabin		Việt Nam	Cái	1	5.500.000	5.500.000
9	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống nâng thùng xe + thùng xe.		Việt Nam	Cụm	1	2.500.000	2.500.000
-	Phục hồi sắt xi, giường ben		Việt Nam	Cụm	1	6.500.000	6.500.000
-	Phục hồi thùng ben		Việt Nam	Cụm	1	2.000.000	2.000.000
-	Sơn lại toàn bộ thùng ben		Việt Nam	Cụm	1	3.500.000	3.500.000
10	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống điện		Việt Nam	Cụm	1	1.250.000	1.250.000
Xe ô tô Kamaz 6520-1; 14KT-001.03				Cái	1	-	533.474.000
A	Vật tư					-	-
I	Động cơ					-	-
1	Bộ hơi com lê	740.60-1000128-07	Nga	Bộ/xe	1	29.500.000	29.500.000
2	Bạc biên + balie	7405.1000102P2	Nga	Bộ/xe	1	2.650.000	2.650.000
3	Bộ gioăng phốt đại tu	740-100-4318	Trung Quốc	Bộ/xe	1	2.750.000	2.750.000
4	Trục cơ cos o		TBN	Cái	1	43.750.000	43.750.000
5	Mặt quy lát	740.30-1003213-01	Nga	Cái	4	4.750.000	19.000.000
6	Bơm dầu động cơ	740.11-1011010	Nga	Cái	1	4.930.000	4.930.000
7	Bơm nước	740.50-1307010	Nga	Cái	1	4.500.000	4.500.000
8	Ống dẫn hướng xupap	740-1007-032	Trung Quốc	Cái	8	160.000	1.280.000
9	Dây curoa 6PK 2270		Trung Quốc	Sợi	1	350.000	350.000
10	Phốt ghip xupap	740-10072262-01	Trung Quốc	Cái	16	7.000	112.000
11	Xu páp xả	74061007015	Nga	Cái	8	300.000	2.400.000
12	Xu páp hút	74061007010	Nga	Cái	8	300.000	2.400.000
13	Xi e mặt máy		Nga	Cái	16	150.000	2.400.000
14	Vòi phun dầu bôi trơn xi lanh		Nga	Cái	6	150.000	900.000
15	Ly tâm cánh quạt động cơ		Nga	Cái	1	5.785.000	5.785.000
16	Cánh quạt gió		Trung Quốc	Cái	1	3.713.000	3.713.000
17	Phốt đầu trục cơ		Trung Quốc	Cái	1	285.000	285.000
18	Phốt đuôi trục cơ		Trung Quốc	Cái	1	160.000	160.000
19	Bì đầu lai BCA	6206	Trung Quốc	Vòng	1	64.000	64.000
20	Bì đầu lai BCA	6306	Trung Quốc	Vòng	1	74.000	74.000
21	Vòng bì đuôi trục cơ 6205		Trung Quốc	Vòng	1	420.000	420.000
22	Phin lọc dầu máy thô	74051012015	Nga	Cái	1	350.000	350.000
23	Phin lọc dầu máy tinh	7405.1017040-02	Nga	Cái	1	450.000	450.000

24	Lõi lọc nhiên liệu (lọc giấy)	7401117078-01	Trung Quốc	Cái	2	59.000	118.000
25	Lọc gió động cơ Kamaz 6520		Trung Quốc	Cái	1	1.520.000	1.520.000
26	Gioăng cổ hút		Trung Quốc	Cái	8	10.000	80.000
27	Gioăng cổ xả		Trung Quốc	Cái	8	32.000	256.000
28	Con đội	740100-7184-03	Trung Quốc	Cái	16	180.000	2.880.000
29	Phớt lai bơm cao áp	45x60x9	Việt Nam	Cái	1	91.000	91.000
30	Tăng áp	74.031.118.010	Nga	Cụm	2	10.430.000	20.860.000
31	Cao su cổ tăng áp 60x90		Trung Quốc	Cái	2	796.000	1.592.000
32	Bánh đà		Trung Quốc	Cái	1	18.521.000	18.521.000
33	Kết làm mát dầu động cơ		Trung Quốc	Cái	1	9.200.000	9.200.000
34	Kim phun nhiên liệu	2731112110-20	Nga	Cái	8	1.800.000	14.400.000
II	Cụm hộp số + ly hợp					-	-
1	Đồng tốc số 3 + 4	1316304159	Italia	Cụm	1	9.760.000	9.760.000
2	Lá côn com lê	1421601130	Nga	Cụm	1	7.500.000	7.500.000
3	Tổng côn dưới	343151001052	Nga	Cái	1	2.546.000	2.546.000
4	Gioăng phớt hộp số		Trung Quốc	Bộ	1	3.480.000	3.480.000
5	Vòng bi thân a cơ 0750 117 732		Italia	Vòng	1	3.850.000	3.850.000
6	Bi T		Trung Quốc	Cái	1	2.650.000	2.650.000
7	Cần thép hộp số		Việt Nam	Cái	1	550.000	550.000
8	Vòng đồng tốc 1316304190 Z01		Italia	Cái	2	3.000.000	6.000.000
9	Vòng đồng tốc 1297304484		Italia	Cái	1	3.500.000	3.500.000
III	Cụm cầu chủ động và các trục các đăng					-	-
1	Trục chữ thập vi sai	6520-2506060	Nga	Cái	1	6.500.000	6.500.000
2	Cần vi sai cầu	6520-2506057	Nga	Bộ	2	350.000	700.000
3	Cần vi sai cài cầu	6520-2506058	Nga	Bộ	1	244.000	244.000
4	Ruột vi sai cài cầu		Trung Quốc	Cái	1	6.120.000	6.120.000
5	Ruột vi sai cầu		Trung Quốc	Cái	1	4.050.000	4.050.000
6	Trục các đăng cầu trước		Trung Quốc	Cụm	1	16.235.000	16.235.000
8	Bánh răng vành chậu quả dứa		Trung Quốc	Cụm	1	11.900.000	11.900.000
9	Cụm vi sai cài cầu		Trung Quốc	Cụm	1	6.000.000	6.000.000
10	Phớt cầu		Việt Nam	Cái	1	160.000	160.000
11	Phớt moay ơ sau 65115-3104017		Trung Quốc	Cái	4	150.000	600.000
12	Vòng bi cầu 32315		Nhật	Vòng	1	1.650.000	1.650.000
13	Vòng bi cầu 32313		Nhật	Vòng	1	1.500.000	1.500.000
14	Vòng bi đỡ vi sai		Trung Quốc	Vòng	4	600.000	2.400.000
15	Vòng bi đỡ trục trung gian		Trung Quốc	Vòng	1	650.000	650.000
16	Bu lông ê cu các đăng trước		Việt Nam	bộ	12	100.000	1.200.000
IV	Hệ thống lái					-	-
1	Phớt bột lái		Trung Quốc	Bộ	1	2.645.000	2.645.000
2	Ba dọc lái	3414032	Trung Quốc	Cái	1	4.735.000	4.735.000
3	Bi chữ thập các đăng lái		Trung Quốc	Vòng	1	305.000	305.000
V	Hệ thống treo					-	-
1	Cao su giằng cầu		Trung Quốc	Cái	12	550.000	6.600.000
2	Gối cầu cân bằng 6520-2918070		Trung Quốc	Cái	2	16.000.000	32.000.000
3	Bạc nhựa gối cầu cân bằng 6520-2918074-01		Trung Quốc	Cái	2	600.000	1.200.000
4	Nhíp trước		Việt Nam	Lá	6	890.000	5.340.000
5	Bu lông xăng tan		Việt Nam	Bộ	2	135.000	270.000
6	Quang nhíp (trước)		Việt Nam	Cái	4	395.000	1.580.000
VI	Hệ thống di chuyển					-	-
1	Bi moay ơ trước ngoài	6-30613JR	Nga	Vòng	2	1.221.000	2.442.000
2	Bi moay ơ trước trong	6-30615JR	Nga	Vòng	1	985.000	985.000
3	Phớt moay ơ trước		Việt Nam	Cái	2	45.000	90.000
4	Gioăng chỉ 170x4		Việt Nam	Cái	5	26.000	130.000
5	Gioăng chỉ 260x6		Việt Nam	Cái	5	40.000	200.000
7	Tắc kê sau		Việt Nam	Bộ	10	44.000	440.000
8	Phớt moay ơ sau		Việt Nam	Cái	4	60.000	240.000
9	La răng 1200-20		T.Quốc	Bộ	4	2.600.000	10.400.000
VII	Hệ thống phanh					-	-
1	Má phanh	6520-3501090-40	Trung Quốc	Miếng	14	130.000	1.820.000

2	Bầu phanh sau	6520-3519501	Trung Quốc	Cái	2	1.800.000	3.600.000
3	Cụm van chia hơi tổng 4757200080		Trung Quốc	Cụm	1	9.500.000	9.500.000
3	Cóc chỉnh phanh sau		Trung Quốc	Cái	4	870.000	3.480.000
4	Tấm búa phanh	260108	Trung Quốc	Cái	2	3.250.000	6.500.000
5	Bầu phanh trước T30		Trung Quốc	Cái	2	1.250.000	2.500.000
6	Lò xo guốc phanh		Trung Quốc	Cái	4	120.000	480.000
7	Guốc phanh		Trung Quốc	Cái	2	2.380.000	4.760.000
VIII	Ca bin					-	-
1	Thép tấm 2 mm		Việt Nam	Kg	230	32.000	7.360.000
2	Gas		Việt Nam	Bình	2	410.000	820.000
3	Oxy		Việt Nam	Chai	4	102.000	408.000
4	Que hàn hơi		Việt Nam	Kg	36	59.000	2.124.000
5	Que hàn thép		Việt Nam	Kg	30	59.000	1.770.000
6	Dung môi pha sơn		Việt Nam	Lít	25	54.000	1.350.000
7	Sơn chống rỉ		Việt Nam	Kg	10	80.000	800.000
8	Sơn màu xanh		Việt Nam	Kg	8	250.000	2.000.000
9	Axetilen		Việt Nam	Kg	10	191.000	1.910.000
10	Bả matit		Việt Nam	Kg	10	205.000	2.050.000
IX	Hệ thống nâng thùng xe + thùng xe					-	-
1	Khớp lai bơm ben		Trung Quốc	Cụm	1	12.125.000	12.125.000
2	Vòng bi chao piston ben		Trung Quốc	Vòng	2	1.061.000	2.122.000
3	Sắt tấm 8 mm Q345 lót sàn ben		Việt Nam	Kg	300	32.000	9.600.000
X	Hệ thống điện					-	-
1	Đèn hậu		Trung Quốc	Cái	2	249.000	498.000
2	Đèn xi nhan trước		Trung Quốc	Cái	2	490.000	980.000
3	Tiết chế máy phát Kamaz 6520		Trung Quốc	Cái	1	800.000	800.000
4	Chổi than máy phát		Trung Quốc	Cái	4	250.000	1.000.000
XI	Vật liệu phụ					-	-
1	Bìa a mi ăng 1 mm		Việt Nam	Tờ	6	195.000	1.170.000
2	Bìa a mi ăng 0.5 mm		Việt Nam	Tờ	6	185.000	1.110.000
3	Bìa a mi ăng 2 mm		Việt Nam	Tờ	8	340.000	2.720.000
4	Đinh tán F8x20		Việt Nam	Kg	7	122.000	854.000
5	Bu lông M8x30		Việt Nam	Bộ	32	8.000	256.000
6	Bu lông M8x10		Việt Nam	Bộ	30	6.000	180.000
7	Bu lông M8x20		Việt Nam	Bộ	35	7.000	245.000
8	Bu lông M12x80		Việt Nam	Bộ	30	25.000	750.000
9	Bu lông M12x50x1.25		Việt Nam	Bộ	34	16.000	544.000
10	Keo tạo gioăng		Việt Nam	Tuýp	7	37.000	259.000
11	Giấy giáp P120		Việt Nam	Tờ	20	10.000	200.000
12	Giẻ lau		Việt Nam	Kg	16	12.000	192.000
13	Dầu phanh DOT3		Việt Nam	Lọ	3	70.000	210.000
14	Dầu động cơ 15W40		Việt Nam	Lít	28	55.000	1.540.000
15	Dầu cầu 80W90		Việt Nam	Lít	20	75.000	1.500.000
XIII	Vật liệu làm sắt si, thùng ben					-	-
1	Dầm U120x100x120x2800 dày 8		Việt Nam	Kg	270	32.000	8.640.000
2	Dầm U120x100x120x760 dày 8		Việt Nam	Kg	200	32.000	6.400.000
4	Thép tấm 4 mm (thành bên)		Việt Nam	Kg	40	32.000	1.280.000
5	Thép U120 làm dầm ngang ben		Việt Nam	Kg	60	32.000	1.920.000
5	Sơn các màu thùng ben		Việt Nam	Kg	10	205.000	2.050.000
6	Sơn chống rỉ		Việt Nam	Kg	7	80.000	560.000
7	Khí oxy		Việt Nam	Chai	12	102.000	1.224.000
8	Gas		Việt Nam	Bình	7	410.000	2.870.000
9	Que hàn GL26 phi 4		Việt Nam	Kg	40	32.000	1.280.000
B	Phần nhiên liệu					-	-
1	Dầu rửa		Việt Nam	Lít	50	19.500	975.000
C	Nhân công thực hiện					-	-
1	Thay thế, lắp ráp các chi tiết cụm động cơ		Việt Nam	Cụm	1	5.500.000	5.500.000

2	Gia công lát sàn ben		Việt Nam	Cái	1	2.000.000	2.000.000
3	Thay thế, lắp ráp các chi tiết cụm hộp số + ly hợp		Việt Nam	Cụm	1	2.500.000	2.500.000
4	Thay thế, lắp ráp các chi tiết cụm cầu chủ động và các trục các đăng		Việt Nam	Cụm	1	1.500.000	1.500.000
5	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống lái		Việt Nam	Cụm	1	1.500.000	1.500.000
6	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống treo		Việt Nam	Cụm	1	2.000.000	2.000.000
7	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống di chuyển		Việt Nam	Cụm	1	1.200.000	1.200.000
8	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống phanh		Việt Nam	Cụm	1	1.200.000	1.200.000
9	Sửa chữa cabin		Việt Nam			-	-
-	Thay thế, lắp ráp các chi tiết ca bin		Việt Nam	Cụm	1	1.050.000	1.050.000
-	Gia công mới xương răng ngang cabin + xương bậc lên xuống (L+P)		Việt Nam	Cụm	1	3.200.000	3.200.000
-	Phục hồi mặt trước cabin		Việt Nam	Cái	1	2.500.000	2.500.000
-	Phục hồi cánh cửa (L+P)		Việt Nam	Cái	2	850.000	1.700.000
-	Sơn lại toàn bộ cabin		Việt Nam	Cái	1	5.500.000	5.500.000
10	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống nâng thùng xe + thùng xe.		Việt Nam	Cụm	1	2.000.000	2.000.000
-	Phục hồi sắt xi, giường ben		Việt Nam	Cụm	1	7.500.000	7.500.000
-	Phục hồi thùng ben		Việt Nam	Cụm	1	1.500.000	1.500.000
-	Sơn lại toàn bộ thùng ben		Việt Nam	Cụm	1	3.500.000	3.500.000
11	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống điện		Việt Nam	Cụm	1	1.250.000	1.250.000
Xe ô tô Kamaz 6520; 14KT-001.45				Cái	1	-	545.011.000
A	Vật tư					-	-
I	Cụm động cơ					-	-
1	Bộ hơi com lê	740.60-1000128-07	Nga	Bộ/xe	1	29.500.000	29.500.000
2	Bạc biên + balie	7405.1000102P2	Nga	Bộ/xe	1	2.650.000	2.650.000
3	Bộ gioăng phốt đại tu	740-100-4318	Trung Quốc	Bộ/xe	1	2.750.000	2.750.000
4	Trục cam	6520-3501111	Nga	Cái	1	12.500.000	12.500.000
5	Phom xả		Trung Quốc	Cái	1	1.250.000	1.250.000
6	Ống dẫn hướng xupap	740-1007-032	Trung Quốc	Cái	8	160.000	1.280.000
7	Dây curoa 6PK 2270		Trung Quốc	Sợi	1	350.000	350.000
8	Cánh quạt gió		Trung Quốc	Cái	1	3.713.000	3.713.000
9	Mặt quy lát	740.30-1003213-01	Nga	Cái	4	4.750.000	19.000.000
10	Phốt ghíp xupap	740-10072262-01	Trung Quốc	Cái	16	7.000	112.000
11	Xu páp xả	74061007015	Nga	Cái	8	300.000	2.400.000
12	Xu páp hút	74061007010	Nga	Cái	8	300.000	2.400.000
13	Phốt đầu trục cơ		Trung Quốc	Cái	1	285.000	285.000
14	Phốt đuôi trục cơ		Trung Quốc	Cái	1	160.000	160.000
15	Bi đầu lai BCA	6206	Trung Quốc	Vòng	1	64.000	64.000
16	Bi đầu lai BCA	6306	Trung Quốc	Vòng	1	74.000	74.000
17	Phin lọc dầu máy thô	74051012015	Nga	Cái	1	350.000	350.000
18	Phin lọc dầu máy tinh	7405.1017040-02	Nga	Cái	1	450.000	450.000
19	Gioăng cổ hút		Trung Quốc	Cái	8	10.000	80.000
20	Gioăng cổ xả		Trung Quốc	Cái	8	32.000	256.000
21	Con đội	740100-7184-03	Trung Quốc	Cái	16	180.000	2.880.000
22	Ly tâm quạt gió		Trung Quốc	Cái	1	7.420.000	7.420.000
23	Phốt lai bơm cao áp	45x60x9	Việt Nam	Cái	1	91.000	91.000
24	Tăng áp	74.031.118.010	Nga	Cụm	2	10.430.000	20.860.000
25	Bu lông mặt máy		Nga	Cái	2	350.000	700.000
26	Bu lông tay biên		Nga	Cái	4	250.000	1.000.000

27	Bu lông cô balie		Nga	Cái	2	280.000	560.000
28	Bu lông bánh đà		Nga	Cái	5	150.000	750.000
29	Cao su cô tăng áp 60x90		Trung Quốc	Cái	2	796.000	1.592.000
30	Lõi lọc nhiên liệu (lọc giấy)	7401117078-01	Trung Quốc	Cái	2	59.000	118.000
31	Lọc gió động cơ Kamaz 6520		Trung Quốc	Cái	1	1.520.000	1.520.000
32	Van I chiều		Trung Quốc	Cái	8	128.000	1.024.000
33	Bơm nước	740.50-1307010	Nga	Cái	1	4.500.000	4.500.000
34	Bơm dầu động cơ	740.11-1011010	Nga	Cái	1	4.930.000	4.930.000
II	Cụm hộp số + ly hợp					-	-
1	Lá côn com lê	1421601130	Nga	Cụm	1	7.500.000	7.500.000
2	Bàn ép côn	3482083118	Nga	Cái	1	6.750.000	6.750.000
3	Tổng côn dưới	343151001052	Nga	Cái	1	2.546.000	2.546.000
4	Tổng côn trên	343151001051	Nga	Cái	1	2.652.000	2.652.000
5	Gioăng phốt hộp số		Trung Quốc	Bộ	1	3.480.000	3.480.000
6	Vòng đồng tốc 1356 304 024EU		Italia	Cái	1	4.080.000	4.080.000
7	Vòng đồng tốc 1316 304 156EU		Italia	Cái	2	2.600.000	5.200.000
8	Vòng đồng tốc 1316 304 162EU		Italia	Cái	1	2.400.000	2.400.000
9	Vòng đồng tốc 1316 304 167EU		Italia	Cái	1	3.940.000	3.940.000
10	Vòng đồng tốc 1316 304 168EU		Italia	Cái	2	3.500.000	7.000.000
11	Vòng đồng tốc 1316 304 159EU		Italia	Cái	2	3.500.000	7.000.000
12	Vòng bi thân a cơ 0750 117 732		Italia	Vòng	1	3.850.000	3.850.000
13	Vòng bi hốc a cơ 0750 117 677		Italia	Vòng	1	4.150.000	4.150.000
14	Vòng bi 0750 117 678		Italia	Vòng	1	2.400.000	2.400.000
15	Vòng bi đuôi trục thứ cấp 0750 117 232		Italia	Vòng	1	4.020.000	4.020.000
16	Bánh răng 1315 302 158EU		Italia	Cái	1	5.685.000	5.685.000
17	Vòng đồng tốc 1297 304 484EU		Italia	Cái	1	2.800.000	2.800.000
18	Trục a cơ 1315 302 162		Italia	Cái	1	13.200.000	13.200.000
III	Cụm cầu chủ động và các trục các đăng					-	-
1	Trục chữ thập vi sai	6520-2506060	Nga	Cái	2	6.500.000	13.000.000
2	Cần vi sai cầu	6520-2506057	Nga	Bộ	2	350.000	700.000
3	Cần vi sai cài cầu	6520-2506058	Nga	Bộ	1	244.000	244.000
4	Ruột vi sai cài cầu		Trung Quốc	Cái	1	6.120.000	6.120.000
5	Trục các đăng cầu trước		Trung Quốc	Cụm	1	16.235.000	16.235.000
6	Trục các đăng cầu sau	68740020051607	Nga	Cụm	1	10.800.000	10.800.000
7	Ruột vi sai cầu		Trung Quốc	Cái	2	4.050.000	8.100.000
8	Bánh răng vành chịu quả dứa		Trung Quốc	Cụm	1	11.900.000	11.900.000
9	Phốt cầu		Việt Nam	Cái	2	160.000	320.000
10	Vòng bi cầu 32315		Nhật	Vòng	1	1.650.000	1.650.000
11	Vòng bi cầu 32313		Nhật	Vòng	1	1.500.000	1.500.000
12	Vòng bi đỡ vi sai		Trung Quốc	Vòng	4	600.000	2.400.000
IV	Hệ thống lái					-	-
1	Phốt bót lái		Trung Quốc	Bộ	1	2.645.000	2.645.000
2	Ba dọc lái	3414032	Trung Quốc	Cái	1	4.735.000	4.735.000
3	Bi chữ thập các đăng sau		Trung Quốc	Cụm	2	635.000	1.270.000
4	Bi chữ thập các đăng trước		Trung Quốc	Cụm	2	740.000	1.480.000
5	Bi chữ thập các đăng lái		Trung Quốc	Vòng	1	305.000	305.000
6	Bu lông các đăng M14x50		Việt Nam	Bộ	20	65.000	1.300.000
7	Bu lông các đăng M16x50		Việt Nam	Bộ	20	65.000	1.300.000
8	Bơm lái 4310-3407200		Nga	Cái	1	6.580.000	6.580.000
V	Hệ thống treo					-	-
1	Cao su giằng cầu		Trung Quốc	Cái	12	550.000	6.600.000
2	Bạc nhựa gối cầu cân bằng 6520-2918074-01		Trung Quốc	Cái	2	600.000	1.200.000
3	Nhíp sau		Việt Nam	Lá	9	930.000	8.370.000
4	Nhíp trước		Việt Nam	Lá	6	890.000	5.340.000
5	Bạc + trục ốc nhíp		Việt Nam	Bộ	2	478.000	956.000
6	Quang nhíp sau		Việt Nam	Cái	4	452.000	1.808.000
7	Quang nhíp (trước)		Việt Nam	Cái	4	395.000	1.580.000
8	Gối cầu ba lăng xê	6520-2918070	Nga	Cụm	2	6.270.000	12.540.000
VI	Hệ thống di chuyển					-	-

1	Bi moay σ trước ngoài	6-30613JR	Nga	Vòng	2	1.221.000	2.442.000
2	Bi moay σ trước trong	6-30615JR	Nga	Vòng	2	985.000	1.970.000
3	Phốt moay σ trước		Việt Nam	Cái	2	45.000	90.000
4	Gioăng chi 170x4		Việt Nam	Cái	5	26.000	130.000
5	Gioăng chi 260x6		Việt Nam	Cái	5	40.000	200.000
6	Phốt moay σ sau		Việt Nam	Cái	4	60.000	240.000
7	La răng 1200-20		T.Quốc	Bộ	2	2.600.000	5.200.000
VII	Hệ thống phanh					-	-
1	Má phanh	6520-3501090-40	Trung Quốc	Miếng	16	130.000	2.080.000
2	Bầu phanh sau	6520-3519501	Trung Quốc	Cái	4	1.800.000	7.200.000
3	Cóc chỉnh phanh trước		Trung Quốc	Cái	2	859.000	1.718.000
4	Cóc chỉnh phanh sau		Trung Quốc	Cái	4	870.000	3.480.000
5	Tấm búa phanh	260108	Trung Quốc	Cái	2	3.250.000	6.500.000
6	Guốc phanh		Trung Quốc	Cái	2	2.380.000	4.760.000
7	Van chia hơi 1 tầng		Trung Quốc	Cái	1	987.000	987.000
8	Giác co 3 ngã bầu phanh		Việt Nam	Cái	2	250.000	500.000
9	Bình hơi		Nga	Cái	2	2.500.000	5.000.000
VIII	Ca bin					-	-
1	Thép tấm 2 mm		Việt Nam	Kg	180	32.000	5.760.000
2	Gas		Việt Nam	Bình	2	410.000	820.000
3	Oxy		Việt Nam	Chai	5	102.000	510.000
4	Que hàn hơi		Việt Nam	Kg	35	59.000	2.065.000
5	Que hàn thép		Việt Nam	Kg	20	59.000	1.180.000
6	Dung môi pha sơn		Việt Nam	Lít	25	54.000	1.350.000
7	Sơn chống rỉ		Việt Nam	Kg	8	80.000	640.000
8	Sơn màu xanh		Việt Nam	Kg	5	250.000	1.250.000
9	Axetilen		Việt Nam	Kg	7	191.000	1.337.000
10	Bả matit		Việt Nam	Kg	5	205.000	1.025.000
IX	Hệ thống nâng thùng xe + thùng xe					-	-
1	Khớp lai bơm ben		Trung Quốc	Cụm	1	12.125.000	12.125.000
2	Vòng bi chao piston ben		Trung Quốc	Vòng	1	1.061.000	1.061.000
3	Sắt tấm 8 mm Q345 lót sàn ben		Việt Nam	Kg	570	32.000	18.240.000
X	Hệ thống điện					-	-
1	Đèn hậu		Trung Quốc	Cái	2	249.000	498.000
2	Đèn pha trắng (loại vuông)		Trung Quốc	Cái	2	985.000	1.970.000
3	Tiết chế máy phát Kamaz 6520		Trung Quốc	Cái	1	800.000	800.000
4	Đề khởi động 5402.3708000-01		Nga	Cái	1	9.650.000	9.650.000
5	Vòng bi máy phát		Trung Quốc	Vòng	2	350.000	700.000
6	Còi điện		Trung Quốc	Cái	2	350.000	700.000
7	Đèn xi nhan trước		Trung Quốc	Cái	2	490.000	980.000
XI	Vật liệu phụ					-	-
1	Bìa a mi ăng 1mm		Việt Nam	Tờ	6	195.000	1.170.000
2	Bìa a mi ăng 0.5 mm		Việt Nam	Tờ	7	185.000	1.295.000
3	Bìa a mi ăng 2 mm		Việt Nam	Tờ	4	340.000	1.360.000
4	Đinh tán F8x20		Việt Nam	Kg	6	122.000	732.000
5	Bu lông M8x30		Việt Nam	Bộ	32	8.000	256.000
6	Bu lông M8x10		Việt Nam	Bộ	25	6.000	150.000
7	Bu lông M8x20		Việt Nam	Bộ	27	7.000	189.000
8	Bu lông M12x80		Việt Nam	Bộ	18	25.000	450.000
10	Keo tạo gioăng		Việt Nam	Tuýp	8	37.000	296.000
11	Giấy giáp P120		Việt Nam	Tờ	22	10.000	220.000
12	Giẻ lau		Việt Nam	Kg	10	12.000	120.000
13	Dầu phanh DOT3		Việt Nam	Lọ	3	70.000	210.000
14	Dầu động cơ 15W40		Việt Nam	Lít	28	55.000	1.540.000
15	Dầu cầu 80W90		Việt Nam	Lít	20	75.000	1.500.000
XIII	Vật liệu làm sắt si, thùng ben					-	-

1	Dầm U120x100x120x2800 dày 8		Việt Nam	Kg	350	32.000	11.200.000
2	Dầm U120x100x120x760 dày 8		Việt Nam	Kg	250	32.000	8.000.000
4	Thép tấm 4 mm (thành bên)		Việt Nam	Kg	100	32.000	3.200.000
5	Thép U120 làm dầm ngang bên		Việt Nam	Kg	80	32.000	2.560.000
5	Sơn các màu thùng ben		Việt Nam	Kg	10	205.000	2.050.000
6	Sơn chống rỉ		Việt Nam	Kg	12	80.000	960.000
7	Khí oxy		Việt Nam	Chai	10	102.000	1.020.000
8	Gas		Việt Nam	Bình	6	410.000	2.460.000
9	Que hàn GL26 phi 4		Việt Nam	Kg	45	32.000	1.440.000
B	Phần nhiên liệu					-	-
1	Dầu diesel (VSCN)		Việt Nam	Lít	50	19.500	975.000
C	Nhân công thực hiện					-	-
1	Thay thế, lắp ráp các chi tiết cụm động cơ		Việt Nam	Cụm	1	5.500.000	5.500.000
2	Lát sàn ben		Việt Nam	Cái	1	2.000.000	2.000.000
3	Thay thế, lắp ráp các chi tiết cụm hộp số + ly hợp		Việt Nam	Cụm	1	2.500.000	2.500.000
4	Thay thế, lắp ráp các chi tiết cụm cầu chủ động và các trục các đăng		Việt Nam	Cụm	1	1.500.000	1.500.000
5	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống lái		Việt Nam	Cụm	1	1.500.000	1.500.000
6	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống treo		Việt Nam	Cụm	1	2.000.000	2.000.000
7	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống di chuyển		Việt Nam	Cụm	1	1.200.000	1.200.000
8	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống phanh		Việt Nam	Cụm	1	1.200.000	1.200.000
9	Sửa chữa cabin		Việt Nam			-	-
-	Thay thế, lắp ráp các chi tiết ca bin		Việt Nam	Cụm	1	1.050.000	1.050.000
-	Gia công mới xương răng ngang cabin + xương bậc lên xuống (L+P)		Việt Nam	Cụm	1	3.200.000	3.200.000
-	Phục hồi mặt trước cabin		Việt Nam	Cái	1	2.500.000	2.500.000
-	Phục hồi cánh cửa (L+P)		Việt Nam	Cái	2	850.000	1.700.000
-	Phục hồi cửa gió nóc xe		Việt Nam	Cái	1	1.200.000	1.200.000
-	Sơn lại toàn bộ cabin		Việt Nam	Cái	1	5.500.000	5.500.000
10	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống nâng thùng xe + thùng xe.		Việt Nam	Cụm	1	2.500.000	2.500.000
-	Phục hồi sắt xi, giường ben		Việt Nam	Cụm	1	7.500.000	7.500.000
-	Phục hồi thùng ben		Việt Nam	Cụm	1	2.000.000	2.000.000
-	Sơn lại toàn bộ thùng ben		Việt Nam	Cụm	1	3.500.000	3.500.000
11	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống điện		Việt Nam	Cụm	1	1.250.000	1.250.000
Xe ô tô Kamaz 6520-1; 14KT-001.91				Cái	1	-	585.566.000
A	Vật tư					-	-
I	Cụm động cơ					-	-
1	Bộ hơi com lê	740.60-1000128-07	Nga	Bộ/xe	1	29.500.000	29.500.000
2	Bạc biên + balie	7405.1000102P2	Nga	Bộ/xe	1	2.650.000	2.650.000
3	Bộ gioăng phớt đại tu	740-100-4318	Trung Quốc	Bộ/xe	1	2.750.000	2.750.000
4	Trục cơ cos o		TBN	Cái	1	43.750.000	43.750.000
5	Mặt quy lát	740.30-1003213-01	Nga	Cái	5	4.750.000	23.750.000
6	Bơm dầu động cơ	740.11-1011010	Nga	Cái	1	4.930.000	4.930.000
7	Bơm nước	740.50-1307010	Nga	Cái	1	4.500.000	4.500.000
8	Ống dẫn hướng xupap	740-1007-032	Trung Quốc	Cái	8	160.000	1.280.000
9	Dây curoa 6PK 2270		Trung Quốc	Sợi	1	350.000	350.000
10	Phớt ghip xupap	740-10072262-01	Trung Quốc	Cái	16	7.000	112.000
11	Xu páp xả	74061007015	Nga	Cái	8	300.000	2.400.000

12	Xu pp ht	74061007010	Nga	Ci	8	300.000	2.400.000
13	Xi e mt my		Nga	Ci	16	150.000	2.400.000
14	Vi phun du bi tron xi lanh		Nga	Ci	7	150.000	1.050.000
15	Ly tm cnh qut ng cơ		Nga	Ci	1	5.785.000	5.785.000
16	Pht du trục cơ		Trung Quc	Ci	1	285.000	285.000
17	Pht đui trục cơ		Trung Quc	Ci	1	160.000	160.000
18	Bi du lai BCA	6206	Trung Quc	Vng	1	64.000	64.000
19	Bi du lai BCA	6306	Trung Quc	Vng	1	74.000	74.000
20	Vng bi đui trục cơ 6205		Trung Quc	Vng	1	420.000	420.000
21	Phin lọc du my th	74051012015	Nga	Ci	1	350.000	350.000
22	Phin lọc du my tinh	7405.1017040-02	Nga	Ci	1	450.000	450.000
23	Li lọc nhin liu (lọc giy)	7401117078-01	Trung Quc	Ci	2	59.000	118.000
24	Lọc gio ng cơ Kamaz 6520		Trung Quc	Ci	1	1.520.000	1.520.000
25	Giong c ht		Trung Quc	Ci	8	10.000	80.000
26	Giong c x		Trung Quc	Ci	8	32.000	256.000
27	Con i	740100-7184-03	Trung Quc	Ci	16	180.000	2.880.000
28	Pht lai bơm cao p	45x60x9	Vit Nam	Ci	1	91.000	91.000
29	Tng p	74.031.118.010	Nga	Cm	2	10.430.000	20.860.000
30	Cao su c tng p 60x90		Trung Quc	Ci	2	796.000	1.592.000
31	Bnh a		Trung Quc	Ci	1	18.521.000	18.521.000
32	Kt làm mt du ng cơ		Trung Quc	Ci	1	9.200.000	9.200.000
33	Kim phun nhin liu	2731112110-20	Nga	Ci	8	1.800.000	14.400.000
II	Cm hp s + ly hp					-	-
1	L cn com l	1421601130	Nga	Cm	1	7.500.000	7.500.000
2	Bn p cn	3482083118	Nga	Ci	1	6.750.000	6.750.000
3	Tng cn trn	343151001051	Nga	Ci	1	2.652.000	2.652.000
4	Giong pht hp s		Trung Quc	B	1	3.480.000	3.480.000
5	Vng bi thn a cơ 0750 117 732		Italia	Vng	1	3.850.000	3.850.000
6	Vng bi hc a cơ 0750 117 677		Italia	Vng	1	4.150.000	4.150.000
7	Vng bi 0750 117 678		Italia	Vng	1	2.400.000	2.400.000
8	Vng bi đui trục thứ cp 0750 117 232		Italia	Vng	1	4.020.000	4.020.000
9	Bnh rng 1315 302 158EU		Italia	Ci	1	5.685.000	5.685.000
10	Vng ng tc 1297 304 484EU		Italia	Ci	1	2.800.000	2.800.000
11	Trục a cơ 1315 302 162		Italia	Ci	1	13.200.000	13.200.000
12	Bnh rng hành tinh nhanh chm		Italia	Ci	2	1.500.000	3.000.000
13	Bi u r bnh rng trung gian s 2		Italia	Ci	1	2.350.000	2.350.000
14	Bi u r bnh rng trung gian s 3		Italia	Ci	1	2.250.000	2.250.000
15	Bi u r bnh rng trung gian s 4		Italia	Ci	1	2.250.000	2.250.000
III	Cm cầu chủ ng và các trục các ng					-	-
1	Trục chữ thập vi sai	6520-2506060	Nga	Ci	2	6.500.000	13.000.000
2	Cn vi sai cầu	6520-2506057	Nga	B	2	350.000	700.000
3	Cn vi sai ci cầu	6520-2506058	Nga	B	1	244.000	244.000
4	Rut vi sai ci cầu		Trung Quc	Ci	1	6.120.000	6.120.000
5	Rut vi sai cầu		Trung Quc	Ci	2	4.050.000	8.100.000
6	Bnh rng vành chu quả u		Trung Quc	Cm	1	11.900.000	11.900.000
7	Pht cầu		Vit Nam	Ci	2	160.000	320.000
8	Vng bi cầu 32315		Nht	Vng	2	1.650.000	3.300.000
9	Vng bi cầu 32313		Nht	Vng	2	1.500.000	3.000.000
IV	Ht thng li					-	-
1	Pht bt li		Trung Quc	B	1	2.645.000	2.645.000
2	Ba dọc li	3414032	Trung Quc	Ci	1	4.735.000	4.735.000
3	Bi chữ thập các ng sau		Trung Quc	Cm	2	635.000	1.270.000
4	Bi chữ thập các ng trc		Trung Quc	Cm	2	740.000	1.480.000
5	Bi chữ thập các ng li		Trung Quc	Vng	1	305.000	305.000
6	Bu lông các ng M14x50		Vit Nam	B	20	65.000	1.300.000
7	Bu lông các ng M16x50		Vit Nam	B	20	65.000	1.300.000
8	Bơm li 4310-3407200		Nga	Ci	1	6.580.000	6.580.000
V	Ht thng treo					-	-

1	Cao su giằng cầu		Trung Quốc	Cái	12	550.000	6.600.000
2	Bạc nhựa gối cầu cân bằng 6520-2918074-01		Trung Quốc	Cái	2	600.000	1.200.000
3	Nhíp sau		Việt Nam	Lá	9	930.000	8.370.000
4	Nhíp trước		Việt Nam	Lá	8	890.000	7.120.000
5	Bạc + trục ốc nhíp		Việt Nam	Bộ	2	478.000	956.000
6	Quang nhíp sau		Việt Nam	Cái	4	452.000	1.808.000
7	Quang nhíp (trước)		Việt Nam	Cái	4	395.000	1.580.000
8	Gối cầu ba lăng xê	6520-2918070	Nga	Cụm	2	6.270.000	12.540.000
9	Cao su gối đỡ nhíp trước		Trung Quốc	Cái	4	680.000	2.720.000
10	Cần cầu ba năng xê		Việt Nam	Cái	2	200.000	400.000
11	Giảm sóc nhíp		Trung Quốc	Cái	2	1.411.000	2.822.000
VI	Hệ thống di chuyển					-	-
1	Bi moay ơ trước ngoài	6-30613JR	Nga	Vòng	2	1.221.000	2.442.000
2	Bi moay ơ trước trong	6-30615JR	Nga	Vòng	2	985.000	1.970.000
3	Phốt moay ơ trước		Việt Nam	Cái	2	45.000	90.000
4	Gioăng chỉ 170x4		Việt Nam	Cái	5	26.000	130.000
5	Gioăng chỉ 260x6		Việt Nam	Cái	5	40.000	200.000
6	Phốt moay ơ sau		Việt Nam	Cái	4	60.000	240.000
7	La răng 1200-20		T.Quốc	Bộ	2	2.600.000	5.200.000
8	Bi moay ơ trong cầu sau		Nga	Vòng	2	1.530.000	3.060.000
VII	Hệ thống phanh					-	-
1	Má phanh	6520-3501090-40	Trung Quốc	Miếng	16	130.000	2.080.000
2	Bầu phanh sau	6520-3519501	Trung Quốc	Cái	4	1.800.000	7.200.000
3	Cóc chỉnh phanh trước		Trung Quốc	Cái	2	859.000	1.718.000
4	Cóc chỉnh phanh sau		Trung Quốc	Cái	4	870.000	3.480.000
5	Tấm búa phanh	260108	Trung Quốc	Cái	3	3.250.000	9.750.000
6	Guốc phanh		Trung Quốc	Cái	4	2.380.000	9.520.000
7	Van chia hơi 1 tầng		Trung Quốc	Cái	1	987.000	987.000
8	Giác co 3 ngã bầu phanh		Việt Nam	Cái	2	250.000	500.000
VIII	Ca bin					-	-
1	Thép tấm 2 mm		Việt Nam	Kg	160	32.000	5.120.000
2	Gas		Việt Nam	Bình	2	410.000	820.000
3	Oxy		Việt Nam	Chai	5	102.000	510.000
4	Que hàn hơi		Việt Nam	Kg	35	59.000	2.065.000
5	Que hàn thép		Việt Nam	Kg	20	59.000	1.180.000
6	Dung môi pha sơn		Việt Nam	Lít	25	54.000	1.350.000
7	Sơn chống rỉ		Việt Nam	Kg	9	80.000	720.000
8	Sơn màu xanh		Việt Nam	Kg	5	250.000	1.250.000
9	Axetilen		Việt Nam	Kg	6	191.000	1.146.000
10	Bả matit		Việt Nam	Kg	5	205.000	1.025.000
IX	Hệ thống nâng thùng xe + thùng xe					-	-
1	Khớp lai bơm ben		Trung Quốc	Cụm	1	12.125.000	12.125.000
2	Vòng bi chao piston ben		Trung Quốc	Vòng	1	1.061.000	1.061.000
3	Sắt tấm 8 mm Q345 lót sàn ben		Việt Nam	Kg	570	32.000	18.240.000
X	Hệ thống điện					-	-
1	Đèn hậu		Trung Quốc	Cái	2	249.000	498.000
2	Đèn pha trắng (loại vuông)		Trung Quốc	Cái	2	985.000	1.970.000
3	Tiết chế máy phát Kamaz 6520		Trung Quốc	Cái	1	800.000	800.000
4	Đề khởi động 5402.3708000-01		Nga	Cái	1	9.650.000	9.650.000
5	Vòng bi máy phát		Trung Quốc	Vòng	1	350.000	350.000
6	Còi điện		Trung Quốc	Cái	2	350.000	700.000
7	Đèn xi nhan trước		Trung Quốc	Cái	2	490.000	980.000
XI	Vật liệu phụ					-	-
1	Bìa a mi ăng 1mm		Việt Nam	Tờ	7	195.000	1.365.000
2	Bìa a mi ăng 0.5 mm		Việt Nam	Tờ	8	185.000	1.480.000
3	Bìa a mi ăng 2 mm		Việt Nam	Tờ	4	340.000	1.360.000
4	Đinh tán F8x20		Việt Nam	Kg	6	122.000	732.000

5	Bu lông M8x30		Việt Nam	Bộ	30	8.000	240.000
6	Bu lông M8x10		Việt Nam	Bộ	25	6.000	150.000
7	Bu lông M8x20		Việt Nam	Bộ	14	7.000	98.000
8	Bu lông M12x80		Việt Nam	Bộ	18	25.000	450.000
10	Keo tạo gioăng		Việt Nam	Tuýp	7	37.000	259.000
11	Giấy giáp P120		Việt Nam	Tờ	20	10.000	200.000
12	Giẻ lau		Việt Nam	Kg	10	12.000	120.000
13	Dầu phanh DOT3		Việt Nam	Lọ	2	70.000	140.000
14	Dầu động cơ 15W40		Việt Nam	Lít	28	55.000	1.540.000
15	Dầu cầu 80W90		Việt Nam	Lít	20	75.000	1.500.000
XIII	Vật liệu làm sắt si, thùng ben					-	-
1	Dầm U120x100x120x2800 dày 8		Việt Nam	Kg	400	32.000	12.800.000
2	Dầm U120x100x120x760 dày 8		Việt Nam	Kg	250	32.000	8.000.000
4	Thép tấm 4 mm (thành bên)		Việt Nam	Kg	170	32.000	5.440.000
5	Thép U120 làm dầm ngang ben		Việt Nam	Kg	100	32.000	3.200.000
5	Sơn các màu thùng ben		Việt Nam	Kg	10	205.000	2.050.000
6	Sơn chống rỉ		Việt Nam	Kg	12	80.000	960.000
7	Khí oxy		Việt Nam	Chai	10	102.000	1.020.000
8	Gas		Việt Nam	Bình	6	410.000	2.460.000
9	Que hàn GL26 phi 4		Việt Nam	Kg	60	32.000	1.920.000
B	Phần nhiên liệu					-	-
1	Dầu diesel (VSCN)		Việt Nam	Lít	50	19.500	975.000
C	Nhân công thực hiện					-	-
1	Thay thế, lắp ráp các chi tiết cụm động cơ		Việt Nam	Cụm	1	5.500.000	5.500.000
2	Lát sàn ben		Việt Nam	Cái	1	2.000.000	2.000.000
3	Thay thế, lắp ráp các chi tiết cụm hộp số + ly hợp		Việt Nam	Cụm	1	2.500.000	2.500.000
4	Thay thế, lắp ráp các chi tiết cụm cầu chủ động và các trục các đăng		Việt Nam	Cụm	1	1.500.000	1.500.000
5	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống lái		Việt Nam	Cụm	1	1.500.000	1.500.000
6	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống treo		Việt Nam	Cụm	1	2.000.000	2.000.000
7	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống di chuyển		Việt Nam	Cụm	1	1.200.000	1.200.000
8	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống phanh		Việt Nam	Cụm	1	1.200.000	1.200.000
9	Sửa chữa cabin		Việt Nam			-	-
-	Thay thế, lắp ráp các chi tiết ca bin		Việt Nam	Cụm	1	1.050.000	1.050.000
-	Gia công mới xương rỗng ngang cabin + xương bậc lên xuống (L+P)		Việt Nam	Cụm	1	3.200.000	3.200.000
-	Phục hồi mặt trước cabin		Việt Nam	Cái	1	2.500.000	2.500.000
-	Phục hồi cánh cửa (L+P)		Việt Nam	Cái	2	850.000	1.700.000
-	Phục hồi cửa gió nóc xe		Việt Nam	Cái	1	1.200.000	1.200.000
-	Sơn lại toàn bộ cabin		Việt Nam	Cái	1	5.500.000	5.500.000
10	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống nâng thùng xe + thùng xe.		Việt Nam	Cụm	1	2.500.000	2.500.000
-	Phục hồi sắt xi, giường ben		Việt Nam	Cụm	1	7.500.000	7.500.000
-	Phục hồi thùng ben		Việt Nam	Cụm	1	2.000.000	2.000.000
-	Sơn lại toàn bộ thùng ben		Việt Nam	Cụm	1	3.500.000	3.500.000
11	Thay thế, lắp ráp các chi tiết hệ thống điện		Việt Nam	Cụm	1	1.250.000	1.250.000
Cộng chi phí sc chưa bao gồm thuế VAT							2.677.553.000
Thuế VAT 8%							214.204.240
Tổng cộng chi phí sc đã bao gồm thuế VAT							2.891.757.240

Bảng chữ: Hai tỷ, tám trăm chín mươi một triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm bốn mươi đồng 